

Số: /GCN-SXD

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 24 tháng 6 năm 2025

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 11/7/2023 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty Cổ phần Xây dựng Dịch vụ Thương mại Phú Mỹ; Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 13/6/2025 và đề nghị của Trưởng phòng Quản lý hạ tầng,

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty Cổ phần Xây dựng Dịch vụ Thương mại Phú Mỹ.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3501735681. Ngày cấp: 18/11/2010.

Cơ quan cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ: 740/1 Bình Giã, Phường 10, thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điện thoại: 02543.622.233. - Email: phumytsc@gmail.com.

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng và địa kỹ thuật.

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: 740/1 Bình Giã, Phường 10, thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm bổ sung (38 chỉ tiêu) nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số LAS-XD: LAS-XD 02.015.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến hết ngày 22/11/2029 kể từ ngày ký./.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Công ty CPXD DVTM Phú Mỹ;
- Bộ Xây dựng (b/c);
- Website SXD;
- Lưu: VT, QLHT_{VTĐ}.

Khải Quốc Bình

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM BỔ SUNG LẦN 01
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 02.015

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
Số: /GCN-SXD ngày tháng năm 2025)

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT(*)
I	CÓT LIỆU CHO BÊTÔNG XIMĂNG VÀ VỮA XIMĂNG	
1	Thành phần hạt cốt liệu lớn	TB 10102-2023
2	Khối lượng riêng của đá gốc và cốt liệu lớn	TB 10115-2023
3	Khối lượng thể tích của đá gốc và cốt liệu lớn	TB 10115-2023
4	Độ ẩm và độ hút ẩm của đá gốc và cốt liệu lớn	TB 10115-2023
5	Khối lượng thể tích xốp và độ xốp của dăm sỏi	TB 10102-2023
6	Hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét trong cốt liệu nhỏ	TB 10102-2023
7	Lượng tạp chất hữu cơ	TB 10102-2023
8	Cường độ kháng nén một trục và hệ số hoá mềm của đá gốc	TB 10115-2023
9	Cường độ nén điểm của đá gốc	TB 10115-2023
10	Cường độ kháng kéo của đá gốc	TB 10115-2023
11	Xác định độ bền cắt của đá gốc	TB 10115-2023
12	Độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TB 10102-2023
13	Độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy mài mòn và đập Los Angeles	TB 10102-2023
14	Hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TB 10102-2023
15	Hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa	TB 10102-2023
16	Hàm lượng hạt bị đập vỡ	TB 10102-2023
II	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, VẬT LIỆU GIA CỐ CHẤT KẾT DÍNH	
1	Khối lượng riêng/tỷ trọng	TB 10102-2023
2	Độ ẩm và độ hút ẩm	TB 10102-2023
3	Khối lượng thể tích/dung trọng	TB 10102-2023
4	Giới hạn chảy, giới hạn dẻo	TB 10102-2023
5	Thành phần hạt	TB 10102-2023

6	Sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TB 10102-2023
7	Tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TB 10102-2023
8	Hệ số cố kết ngang và cố kết đứng	TB 10102-2023
9	Đàn nén đất, đá dăm	TB 10102-2023
10	Chỉ số CBR của đất, đá dăm trong phòng	TB 10102-2023
11	Các đặc trưng trương nở của đất, đá	TB 10102-2023 TB 10115-2023
12	Các đặc trưng co ngót của đất	TB 10102-2023
13	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TB 10102-2023
14	Đặc trưng lún ướt	TB 10102-2023
15	Xác định độ bền nén của đất trong điều kiện có nở hông	TB 10102-2023
16	Sức kháng cắt không cố kết - không thoát nước và cố kết - thoát nước của đất dính trên thiết bị nén ba trục (UU, CU, CD)	TB 10102-2023
17	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TB 10102-2023
18	Khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TB 10102-2023
19	Hàm lượng hữu cơ	TB 10102-2023
20	Hệ số thấm K của đất và cát	TB 10102-2023
21	Xác định mô đun đàn hồi của vật liệu đá gia cố chất kết dính vô cơ	TB 10102-2023
22	Xác định cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	TB 10102-2023

Ghi chú (*): Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.